TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/01/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Chào.
2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Truyện - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 14, ấp BĐ, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Trần Chí T2, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 14, ấp BĐ, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Chị Nguyễn Thị Phương T1 và anh Trần Chí T2 trình bày ý kiến:

- Về hôn nhân: Chị T1 và anh T2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP vào năm 2012, quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẩn, theo chị T1 cho rằng nguyên nhân là anh T2 có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan T2, lo lắng cho vợ con, nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị T1 có yêu cầu xin ly hôn với anh T2. Anh T2 thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẩn là do làm ăn thua lỗ, anh phải lo làm kiếm tiền, từ đó mới phát sinh mâu thuẩn, tuy nhiên mâu thuẩn này chỉ là mâu thuẩn nhỏ trong gia đình, còn việc chị T1 cho rằng anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là không có, anh chỉ có quan giao tiếp với bạn bè chứ không có quan hệ tình cảm với ai, hơn nữa hiện nay anh vẫn còn thương vợ con nên việc chị T1 xin ly hôn anh không đồng ý.

- Về con chung: Có một con chung tên Trần Chí T3, sinh ngày 10/11/2013 hiện đang sống với chị T1. Chị T1 yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng. Anh T2 không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện tuân theo pháp luật trong tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn không có cơ sở để chấp nhận, do yêu cầu xin ly hôn không được chấp nhận nên về con chung không xem xét, giải quyết, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên cũng không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hôn nhân và gia đình, cụ thể chị Nguyễn Thị Phương T1 yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Chí T2 và xin nuôi dạy con chung. Về phần tài sản chung và nợ chung chị T1 khai không có, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện về tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên chị Nguyễn Thị Phương T1 làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn hợp lệ.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định, tại phiên tòa hôm nay các đương sự có mặt đầy đủ, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa Nguyễn Thị Phương T1 và anh Trần Chí T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định, nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, do vậy tại phiên tòa hôm nay, chị T1 xin ly hôn, anh T2 không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 chưa thực sự đã đổ vỡ, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ không thể hiện vợ chồng anh T2, chị T1 có mâu thuẫn gì trầm trọng, còn việc chị T1 cho rằng anh T2 có

quan hệ với người phụ nữ khác nhưng chị không đưa ra được chứng cứ nên không có cơ sở xem xét, giải quyết, hơn nữa tại biên bản xác minh tại ban ấp nơi cư trú của hai bên cũng không xác định định được việc mâu thuẫn, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do yêu cầu xin ly hôn của chị T1 không được chấp nhận nên về các mối quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về án phí: Do yêu cầu xin ly hôn của chị T1 không được chấp nhận, nên chị T1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; số tiền án phí chị T1 phải chịu nói trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0017348 ngày 30/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị T1 đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T1 đối với anh Trần Chí T2.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do yêu cầu xin ly hôn của chị T1 không được chấp nhận nên về các mối quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị T1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0017348 ngày 30/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị T1 đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hậu